

#### 4. Quản lý số tiền phạt đã thu được:

Tất cả các trường hợp phạt tiền, người được quyền xử phạt phải viết biên lai, vé phạt tiền và thu đúng số tiền ghi trên biên lai, vé phạt; đồng thời phải giao một biên lai hoặc vé phạt cho người bị phạt. Từng ngày người đi phạt phải nộp đầy đủ số tiền phạt đã thu được cho thủ quỹ của đơn vị.

Đơn vị phải nộp toàn bộ hoặc một phần số tiền phạt đã thu được (sau khi trừ phần được trích thưởng theo chế độ hiện hành cho phép) vào ngân sách Nhà nước theo định kỳ (theo thỏa thuận giữa cơ quan tài chính với đơn vị sử dụng biên lai, vé phạt trên cơ sở số tiền phạt thu được nhiều hay ít) vào loại IV, khoản 81, các hạng mục thích hợp theo mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành.

— Đối với cấp quận, huyện, thị xã nộp vào TK 750.

— Đối với cấp tỉnh, thành phố nộp vào TK 730.

— Đối với cấp Trung ương nộp vào TK 710.

Cuối tháng, cuối quý đơn vị phải báo cáo quyết toán số tiền phạt đã thu được, số tiền được trích thưởng (theo chế độ), số tiền đã nộp ngân sách, số tiền còn thiếu... với cơ quan Tài chính nơi đơn vị giao dịch nhận biên lai, vé phạt.

Cơ quan Tài chính phải thường xuyên kiểm tra và đối chiếu với số thực nộp vào tài khoản của ngân sách và có nhận xét quyết toán của đơn vị.

#### III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

— Sở Tài chính có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu quyết định kế hoạch triển khai thực hiện quy định này trong địa phương.

— Các Sở Tài chính, Phòng Tài chính thống nhất với các cơ quan có liên quan hướng dẫn những thủ tục cần thiết cho các đơn vị có chức năng xử phạt hành chính bảo đảm việc thực hiện quy định này được đúng đắn, kịp thời.

— Chậm nhất 60 ngày sau quyết định của Bộ, Sở Tài chính phải hoàn thành thống nhất quản lý vé phạt tiền, biên lai thu tiền phạt trong địa phương.

— Trong quá trình thực hiện nếu có những khó khăn vướng mắc gì, các địa phương, các đơn vị cơ sở báo cáo Bộ Tài chính biết để kịp thời giải quyết.

Bộ trưởng Bộ Tài chính  
HOÀNG QUY

BỘ LÂM NGHIỆP

**CHỈ THỊ số 43-LN/KL ngày 7-9-1987**  
về việc quản lý, bảo vệ và sử dụng hợp lý, tiết kiệm các loại gỗ quý, hiếm.

Gỗ là vật tư do Nhà nước thống nhất quản lý, cấm tư nhân buôn bán (trừ gỗ vuren). Đối với các loại gỗ như cẩm lai, gỗ đỏ (cà te), gụ, hương, sao, lát, lim, hoàng đàn, nghiến, sến, mun (dưới đây

gọi chung là gỗ quý, hiếm) là vật liệu không thể thay thế của một số công trình đặc biệt của Nhà nước và một số khâu sản xuất quan trọng trong các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng...

Nhưng hiện nay các loại gỗ quý, hiếm trên đã và đang trở nên khan hiếm đến mức nghiêm trọng.

Nguyên nhân của tình hình trên là do trong những năm qua nhiều địa phương, cơ sở sản xuất lâm nghiệp và nhân dân vùng liền rừng khai thác và sử dụng bừa bãi. Việc quản lý và bảo vệ các loại gỗ trên cũng bị buông lỏng kéo dài. Tồn tại phổ biến là sử dụng các loại gỗ quý, hiếm chưa tuân theo nguyên tắc: «gỗ nào dùng vào việc ấy» (Nghị định số 10-CP), lãng phí, kém hiệu quả. Mặt khác hiện nay các loại gỗ này đang là một mặt hàng buôn bán trôi nổi trên thị trường tự do hoặc đang được dùng trong quan hệ «liên doanh, liên kết» giữa các đơn vị kinh tế quốc doanh và giữa các đơn vị này với các cơ quan, đơn vị, tổ chức xã hội.

Để nhanh chóng khắc phục tình trạng trên, Bộ Lâm nghiệp yêu cầu các địa phương, cơ sở thực hiện ngay một số biện pháp cấp bách về việc quản lý, bảo vệ các loại gỗ quý, hiếm trên như sau:

1. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và gây trồng các loại cây gỗ quý, hiếm.

Ngay sau khi nhận được Chỉ thị này, các Sở Lâm nghiệp, liên hiệp lâm — nông — công nghiệp, lâm trường nắm chắc lại số lượng và phân bố các loại cây gỗ quý, hiếm trên địa bàn của địa phương đơn vị mình. Có kế hoạch, biện pháp cụ thể quản lý, bảo vệ chặt chẽ, phát hiện

và xử lý nghiêm khắc các hành vi khai thác, vận chuyển, buôn bán trái phép các loại gỗ quý, hiếm trên. Đồng thời với việc quản lý, bảo vệ chặt chẽ các khu rừng, có các loại cây gỗ quý, hiếm mọc tập trung, phân tán, các địa phương, đơn vị cần có kế hoạch phát triển mạnh mẽ việc gây trồng các loại cây gỗ trên trong cả ba khu vực quốc doanh, tập thể và hộ gia đình.

a) Chỉ có các Sở Lâm nghiệp, liên hiệp lâm — nông — công nghiệp, lâm trường được Nhà nước giao chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh mới được khai thác gỗ trong đó có các loại gỗ quý, hiếm trên. Từ nay trở đi, nếu chưa được phép của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp, các địa phương, cơ sở không được khai thác các loại gỗ quý, hiếm ngoài chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh. Không được tổ chức lực lượng vào rừng khai thác chọn các loại gỗ quý, hiếm. Các cơ quan kiểm lâm nhân dân và phòng bảo vệ rừng, các liên hiệp lâm — nông — công nghiệp, lâm trường kiểm tra, giám sát chặt chẽ, phát hiện và có biện pháp ngăn chặn tận gốc tình trạng khai thác tùy tiện các loại gỗ quý, hiếm của tất cả các đối tượng trên địa bàn được giao.

b) Tất cả các loại gỗ quý, hiếm các Sở Lâm nghiệp, liên hiệp lâm — nông — công nghiệp, lâm trường đã khai thác ra từ trước đến nay cho kiểm tra nếu đủ tiêu chuẩn gỗ xuất khẩu, giao cho các công ty xuất nhập khẩu lâm sản tiếp nhận theo phương thức mua đứt, bán đoạn thông qua các hợp đồng kinh tế. Số còn lại (kể cả gỗ tận dụng) giao cho các liên hiệp chế biến cung ứng lâm sản tiếp nhận để chế biến, cung ứng và dự trữ theo kế hoạch của Nhà nước.

c) Các loại gỗ quý, hiếm do khai thác, vận chuyển, mua bán trái phép, các cơ quan kiểm lâm nhân dân phải xử lý tịch thu (không được cho đương sự sử dụng) và phải báo cáo về Ủy ban Nhân dân tỉnh và Bộ Lâm nghiệp đề cho ý kiến sử dụng sau.

Đơn vị và cá nhân nào có công bảo vệ, phát hiện bắt giữ vi phạm về các loại gỗ quý, hiếm được trích thưởng từ 5% đến 10% trị giá số lâm sản là gỗ quý, hiếm tịch thu.

Nghiêm cấm các địa phương và cơ sở sử dụng các loại gỗ quý, hiếm vào việc cho, biếu, tặng, nhượng, bán, trao đổi... dưới bất cứ hình thức nào.

2. Trước mắt, trong tháng 9 năm 1987, Bộ yêu cầu các Sở Lâm nghiệp, liên hiệp chế biến cung ứng lâm sản, liên hiệp lâm — nông — công nghiệp, Tổng công ty xuất nhập khẩu lâm sản, công ty lâm sản đặc sản xuất khẩu, lâm trường trực thuộc kiểm kê và báo cáo về Bộ Lâm nghiệp (2 bản — Vụ Kế hoạch và Cục kiểm lâm nhân dân, toàn bộ số lượng các loại gỗ quý, hiếm trên (kể cả gỗ tròn, gỗ xẻ) hiện có tại các kho I, kho II, kho trung chuyển, kho dự trữ, xưởng chế biến. Riêng các loại gỗ quý, hiếm khai thác, vận chuyển, mua bán trái phép, các cơ quan kiểm lâm nhân dân xử lý tịch thu, các chi cục kiểm lâm nhân dân kiểm kê, Sở Lâm nghiệp tổng hợp báo cáo về Bộ Lâm nghiệp và Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây của Bộ trái với Chỉ thị này đều bãi bỏ. Bộ giao cho Cục kiểm lâm nhân dân, Vụ kế hoạch, Vụ Công nghiệp rừng, các liên hiệp chế

biến cung ứng lâm sản, Tổng công ty xuất nhập khẩu lâm sản theo chức năng hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, cơ sở thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị này.

Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp  
**PHAN XUÂN ĐỢT**

### TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN

**THÔNG TƯ số 13 - PC ngày  
7-9-1987 hướng dẫn thi hành  
Điều lệ Bưu chính và viễn thông**

Hội đồng Bộ trưởng đã công bố Nghị định số 121-HĐBT ngày 15-8-1987 ban hành Điều lệ Bưu chính và viễn thông để thay thế các Nghị định số 91-CP ngày 2-5-1973, 94-CP ngày 7-5-1973 ban hành các Điều lệ gửi, nhận và chuyển phát bưu phẩm, bưu kiện, thông tin điện báo, điện thoại và các Nghị định số 344-TTg, số 345-TTg ngày 25-9-1959 về quản lý tần số và máy phát vô tuyến điện.

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được Hội đồng Bộ trưởng giao, Tổng cục Bưu điện hướng dẫn việc thi hành Điều lệ như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU CỦA VIỆC BAN HÀNH ĐIỀU LỆ :

Điều lệ Bưu chính và viễn thông đề cập một cách toàn diện về công tác quản